

**PHỤ LỤC 1**  
**KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CỦA CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TỈNH GIA LAI**  
**06 THÁNG ĐẦU NĂM NĂM 2026**

(Ban hành kèm theo Báo cáo số:           /BC-UBND ngày       /       / 2025 của UBND tỉnh Gia Lai)

	<b>Nhiệm vụ</b>	<b>Hoạt động/sản phẩm</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>
<b>I</b>	<b>CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH</b>		
1	Ban hành Kế hoạch và triển khai các hoạt động tuyên truyền công tác cải cách hành chính	Đã ban hành Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 13/03/2026 của UBND tỉnh tuyên truyền công tác cải cách hành chính tỉnh Gia Lai năm 2026	Quý I
2	Kế hoạch phát động phong trào thi đua đẩy mạnh công tác cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2026-2030	Đã ban hành Kế hoạch số 100/KH-UBND ngày 17/03/2026 của UBND tỉnh phát động phong trào thi đua đẩy mạnh cải cách hành chính tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 - 2030	Quý I
3	Hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin trong đánh giá kết quả công tác cải cách hành chính của các sở, ngành địa phương, hỗ trợ công tác thống kê, phân tích và báo cáo kết quả chỉ số -PAR INDEX, SIPAS của tỉnh dựa trên dữ liệu, góp phần đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác cải cách hành chính	Đã thực hiện đưa vào sử dụng Hệ thống đánh giá cải cách hành chính	Quý II

<b>II</b>	<b>CẢI CÁCH THỂ CHẾ</b>		
4	Tiếp tục hoàn thiện, nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác xây dựng, thẩm định, ban hành văn bản quy phạm pháp luật	Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 04 Danh mục quyết định của UBND tỉnh Gia Lai quy định các nội dung được giao trong VBQPPL của cơ quan nhà nước cấp trên <sup>1</sup> ; UBND tỉnh đã trình Thường trực HĐND tỉnh ban hành 02 Danh mục nghị quyết của HĐND tỉnh Gia Lai quy định các nội dung được giao trong VBQPPL của cơ quan nhà nước cấp trên <sup>2</sup> .	Thường xuyên
5	Cập nhật, đăng tải văn bản quy phạm pháp luật trên Cơ sở dữ liệu Quốc gia về pháp luật	Đã đăng tải 183 VBQPPL (trong đó: HĐND tỉnh ban hành: 74 nghị quyết; UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành: 109 quyết định <sup>3</sup> ) trên Cơ sở dữ liệu Quốc gia về pháp luật <sup>4</sup> .	Thường xuyên
6	Tổ chức thực hiện Kế hoạch triển khai công tác pháp chế và công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật	Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 13/01/2026 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát, xử lý VBQPPL năm 2026 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Kế hoạch số 37/KH-UBND ngày 28/01/2026 công tác pháp chế năm 2026 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	Quý I

<sup>1</sup> Quyết định số 586/QĐ-UBND ngày 07/02/2026; Quyết định số 1101/QĐ-UBND ngày 31/3/2026; Quyết định số 1882/QĐ-UBND ngày 28/4/2026; Quyết định số 2213/QĐ-UBND ngày 25/5/2026.

<sup>2</sup> Nghị quyết số 26/NQ-TTHĐND ngày 18/3/2026 và Nghị quyết số 312/NQ-TTHĐND ngày 16/4/2026 của Thường trực HĐND tỉnh.

<sup>3</sup> Từ Quyết định số 80/2025/QĐ-UBND đến Quyết định số 99/2026/QĐ-UBND.

<sup>4</sup> Tại địa chỉ: <https://vbpl.vn/>

7	Triển khai đầy đủ, đồng bộ các quy định về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật tại Nghị định số 80/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền	Quyết định số 204/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) năm 2026 trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Sau 15 ngày kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch
8	Tăng cường công tác kiểm tra, rà soát và xử lý kết quả kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo kịp thời, phù hợp với quy định pháp luật và tình hình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương	Báo cáo số 38/BC-UBND ngày 28/02/2026 của UBND tỉnh kết quả rà soát, kiến nghị xử lý hiệu lực VBQPPL của Thủ tướng Chính phủ	Thường xuyên
<b>III CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>			
9	Ban hành Quy chế kiểm soát thủ tục hành chính	Quyết định số 17/2026/QĐ-UBND ngày 16/04/2026 về ban hành Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Quý I
10	Ban hành Quy chế giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông	Quyết định số 71/2026/QĐ-UBND ngày 29/05/2026 về ban hành Quy định thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Quý I
11	Quy chế phối hợp tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả hồ sơ thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính	Quyết định số 782/QĐ-UBND ngày 02/03/2026 của UBND tỉnh Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Quý I

12	Rà soát, công bố TTHC, TTHC nội bộ; phê duyệt Phương án đơn giản hóa TTHC, TTHC nội bộ	- 114 Quyết định công bố TTHC, 24 Quyết định phê duyệt TTHC nội bộ - Quyết định số 421/QĐ-UBND ngày 30/01/2026 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính, thủ tục hành chính nội bộ năm 2026 trên địa bàn tỉnh	Thường xuyên
13	Đề xuất cắt giảm thành phần hồ sơ, giấy tờ dựa trên dữ liệu theo Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP của Chính phủ.	Đang triển khai thực hiện	Thường xuyên
<b>IV</b>	<b>CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY</b>		
14	Triển khai sắp xếp, tinh gọn các đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức bên trong các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập	UBND tỉnh đã ban hành Phương án số 05/PA-UBND ngày 03/12/2025 về sắp xếp, tinh gọn đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh	Theo Phương án được phê duyệt
15	Quyết định quy định số lượng Phó Chủ tịch UBND của từng đơn vị hành chính cấp xã	Quyết định số 2404/QĐ-UBND ngày 03/6/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành về số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	Quý I
16	Đề xuất phân cấp/ủy quyền phê duyệt vị trí việc đối với đơn vị sự nghiệp công lập	Quyết định số 759/QĐ-UBND ngày 25/02/2026 của UBND tỉnh về quyết định ủy quyền phê duyệt, điều chỉnh vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Quý I
17	Xây dựng Kế hoạch tinh giản biên chế giai đoạn 2026 - 2031	Ngày 02/6/2026, Bộ Chính trị mới ban hành Quyết định 185-QĐ/TW về biên chế các ban, cơ quan, đơn vị sự nghiệp của Đảng ở Trung ương; cơ quan Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung	Quý II

		ương, Đảng uỷ các cơ quan Đảng Trung ương, Đảng uỷ các cơ quan Đảng Trung ương và các tỉnh, thành phố năm 2026, theo đó tỉnh Gia Lai bị cắt giảm 1.044 biên chế công chức và 5.215 biên chế sự nghiệp và chưa có quyết định giao biên chế giai đoạn 2027-2031. Hiện nay các Sở Nội vụ phối hợp Ban Tổ chức Tỉnh uỷ rà soát tình hình sử dụng biên chế của các cơ quan, địa phương để tham mưu Ban Thường vụ tỉnh uỷ xem xét giao biên chế năm 2026 cho các cơ quan, địa phương đúng theo chỉ đạo của Bộ Chính trị.	
18	Quyết định phân loại đơn vị hành chính cấp xã	Đang phối hợp các sở, ngành thẩm định trước khi tổng hợp, báo cáo, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.	Quý II
19	Lập hồ sơ đề nghị Bộ Nội vụ phân loại đơn vị hành chính tỉnh Gia Lai	- Tờ trình số 477/TTr-SNV ngày 30/5/2026 của Sở Nội vụ về trình hồ sơ Đề án phân loại đơn vị hành chính tỉnh Gia Lai - Tờ trình số 821/TTr-UBND ngày 03/6/2026 của UBND tỉnh đề nghị phân loại đơn vị hành chính tỉnh Gia Lai gửi Bộ Nội vụ; hiện nay, đang bổ sung, hoàn thiện theo yêu cầu của Bộ Nội vụ.	Quý II
<b>V</b>	<b>CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ, CÔNG CHỨC</b>		
20	Xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2026	Kế hoạch số 159/KH-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cán bộ, công chức, viên chức năm 2026	Quý I
21	Quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh	Nghị quyết số 08/2026/NQ-HĐND ngày 24/4/2026 của HĐND tỉnh quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	Quý II

22	Triển khai thực hiện đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức gắn với vị trí việc làm và sản phẩm đầu ra	Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 13/02/2026 của UBND tỉnh về đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan hành chính nhà nước và công chức thuộc tỉnh Gia Lai	Sau khi Chính phủ ban hành Nghị định quy định về vị trí việc làm
23	Kiểm tra việc chấp hành kỷ cương, kỷ luật hành chính, đạo đức công vụ, văn hóa công sở, trách nhiệm giải trình và phòng, chống tham nhũng trong hoạt động công vụ	Quyết định số 270/QĐ-UBND ngày 19/01/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai về kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ, văn hóa công sở của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2026.	Theo kế hoạch năm hoặc đột xuất
<b>VI</b>	<b>CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG</b>		
24	Xây dựng phương án tự chủ tài chính giai đoạn ổn định 05 năm, phù hợp với giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội do Chính phủ quy định đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh	Quyết định số 666/QĐ-UBND ngày 12/02/2026 của UBND tỉnh Phê duyệt phương án tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ giai đoạn 2026-2030	Quý I
25	Quy định về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước, phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp chính quyền địa phương	Đã ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước giữa các cấp chính quyền địa phương tỉnh Gia Lai năm 2026 (Nghị Quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai)	Quý I
<b>VII</b>	<b>CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC</b>		

26	Ban hành Kế hoạch chuyển đổi số năm 2026	Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Gia Lai năm 2026	Quý I
27	Xây dựng Khung Kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh cấp tỉnh	Quyết định số 2215/QĐ-UBND ngày 25/5/2026 của UBND tỉnh ban hành Kiến trúc công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) phát triển đô thị thông minh tỉnh Gia Lai, phiên bản 2.0	Quý II
28	Triển khai Hệ thống theo dõi chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu	Sở Khoa học và Công nghệ đã triển khai hệ thống Gia Lai Dashboard <a href="https://dashboard.gialai.gov.vn/">https://dashboard.gialai.gov.vn/</a> là hệ thống tổng hợp, phân tích và trực quan hóa dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành	Quý II
29	Triển khai nền tảng “Tổng hợp, phân tích dữ liệu tập trung cấp tỉnh” (Kho dữ liệu số thông minh)	UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2478/QĐ-UBND ngày 08/06/2026 phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thuê dịch vụ công nghệ thông tin: Triển khai Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) và Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh Gia Lai. Sở Khoa học và Công nghệ đang triển khai các nội dung liên quan về quy trình đấu thầu để triển khai nhiệm vụ, đảm bảo hoàn thành trong năm 2026	Quý III

**Phụ lục 2**  
**THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐỊNH KỲ**  
**CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

(Ban hành kèm theo Báo cáo số: \_\_\_\_\_/BC-UBND ngày \_\_\_\_ / \_\_\_\_ / 2026 của UBND tỉnh Gia Lai)

**Biểu mẫu 1**  
**Công tác chỉ đạo điều hành CCHC**

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành <i>(Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)</i>	Văn bản	109	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm <i>(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	%	69%	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	42 nhiệm vụ	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	29	
3.	<b>Kiểm tra CCHC</b>			
3.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	-	Đang triển khai thực hiện
3.2.	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	16	
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	-	
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	-	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	-	
<b>4.</b>	<b>Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao</b>			
4.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	110	
4.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	40	
4.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
4.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
<b>5.</b>	<b>Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức</b>	Có = 1; Không = 0	-	
5.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	-	
5.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	-	
<b>6.</b>	<b>Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp</b>	Không = 0 Có = 1	1	Lãnh đạo UBND tỉnh đã chủ trì 01 Hội nghị đối thoại: Hội nghị gặp mặt, đối thoại, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp trong các

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
				Khu kinh tế, Khu công nghiệp theo Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 04/02/2026.

**Biểu mẫu 2**  
**Cải cách thể chế**

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1</b>	<b>Tổng số VBQPPL do địa phương ban hành</b>	Văn bản		
1.1	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	183	Trong đó: HĐND tỉnh ban hành: 74 nghị quyết; UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành: 109 quyết định
<b>2</b>	<b>Kiểm tra, xử lý VBQPPL</b>			
2.1	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	109	Thực hiện tự kiểm tra 109 VBQPPL do UBND tỉnh ban hành, không phát sinh văn bản phải xử lý sau kiểm tra.
2.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	100%	
2.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0	
2.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
<b>3</b>	<b>Rà soát VBQPPL</b>			
3.1	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	1.252	Số liệu VBQPPL rà soát, xử lý của tỉnh Bình Định, Gia Lai (trước sắp xếp)
3.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	100%	
3.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	1.252	
3.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	1.252	

**Biểu mẫu 3**  
**Cải cách thủ tục hành chính**

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1</b>	<b>Thống kê TTHC</b>			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	-	
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	196	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	323	
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	2.076	
1.4.1.	<i>Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	1.628	
1.4.2.	<i>Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	448	
<b>2.</b>	<b>Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông</b>			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	95	
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	127	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	2.076	
<b>3.</b>	<b>Kết quả giải quyết TTHC</b>			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	93,80	(3.1.2)/(3.1.1)
3.1.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	190.356	
3.1.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	178.548	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	97,96	(3.3.2)/(3.3.1)
3.2.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	335.429	
3.2.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	328.580	
3.3.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%		
3.3.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	428	
3.3.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	428	

**Biểu mẫu 4**  
**Cải cách tổ chức bộ máy**

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy</b>			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban	3	
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức	29	
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	1.515	
1.5.1	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>	<i>09</i>	
1.5.2	<i>Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>	<i>214</i>	
1.5.3	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp xã</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>	<i>1.292</i>	
<b>2.</b>	<b>Số liệu về biên chế công chức</b>			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	8.681	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	6.830	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	-	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	14	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>3.</b>	<b>Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập</b>			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	52.991	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	47.619	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	71	
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	-	

**Biểu mẫu 5**  
**Cải cách chế độ công vụ**

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Vị trí việc làm của công chức, viên chức</b>			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	29	Cấp tỉnh: 14/16 Cấp xã: 15/135
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	01	Cấp tỉnh: 01
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
<b>2.</b>	<b>Tuyển dụng công chức, viên chức</b>			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	113	
2.2.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	476	
<b>3.</b>	<b>Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)</b>	Người	<b>0</b>	
<b>4.</b>	<b>Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).</b>		<b>0</b>	
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	0	
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp xã bị kỷ luật.	Người	0	
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp xã bị kỷ luật	Người	0	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0	

**Biểu mẫu 6**  
**Cải cách tài chính công**

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công</b>	<b>%</b>	<b>19,80%</b>	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	20.212.450	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	4.001.913	
<b>2.</b>	<b>Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)</b>			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	<b>1504</b>	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	19	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	79	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	178	
2.4.1.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>11</i>	
2.4.2.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>97</i>	
2.4.3.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>70</i>	
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	1228	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Đơn vị	1	

**Biểu mẫu 7**  
**Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số**

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	<b>Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất</b>	<i>Chưa = 0</i> <i>Hoàn thành = 1</i>	1	Quyết định số 3388/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh phê duyệt Khung kiến trúc số tỉnh Gia Lai
2.	<b>Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia</b>	%	-	
3.	<b>Số liệu về trao đổi văn bản điện tử</b>			
3.1	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
3.1.1	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	100	
3.1.2	<i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	100	
3.2	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	100	
3.2.1	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh</i>	%	100	
3.2.2	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã</i>	%	100	
4.	<b>Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)</b>			
4.1	Tỷ lệ DVCTT toàn trình đủ điều kiện	%	100	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.1.1	Tổng số DVC đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình	Thủ tục	1.054	
4.1.2	Số lượng DVCTT toàn trình	Thủ tục	1.054	
4.2	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình+ một phần)	%	100	
4.2.1	Tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả hai hình thức)	Thủ tục	1.361	
4.2.2	Số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến	Thủ tục	1.361	
4.3	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	%	99,9	
4.3.1	Tổng số hồ sơ của DVCTT toàn trình (gồm hồ sơ trực tuyến + trực tiếp)	Hồ sơ	65.734	
4.3.2	Số Hồ sơ nộp trực tuyến của DVCTT toàn trình	Hồ sơ	65.699	
4.4	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến một phần	%	99,9	
4.4.1	Tổng số hồ sơ của DVCTT một phần (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Hồ sơ	351.883	
4.4.2	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT một phần	Hồ sơ	351.838	
4.5	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%		
4.5.1	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí, ...)	Thủ tục	547	
4.5.2	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	547	